

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Khoa học vật liệu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Đại Vương

2. Ngày tháng năm sinh: 12/2/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 11/3 Dương Thiệu Tước, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế, Số 01 Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0888000858;

E-mail: ldvuong@hueuni.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 01/2014 đến 10/2014: Giảng viên tập sự, Khoa Công nghệ Hóa - Môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế tại Khoa Công nghệ Hóa - Môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế

Từ 11/2014 đến 10/2015: Giảng viên, Khoa Công nghệ Hóa - Môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế tại Khoa Công nghệ Hóa - Môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế

Từ 11/2015 đến 10/2016: Phó trưởng khoa, Phụ trách Khoa Công nghệ Hóa - Môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế tại Khoa Công nghệ Hóa - Môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế

Từ 11/2016 đến 12/2021: Phó trưởng khoa, Khoa Công nghệ Hóa - Môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế tại Khoa Công nghệ Hóa - Môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế

Từ 01/2022 đến 12/2022: Giảng viên, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế tại Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế

Từ 01/2023 đến 06/2025: Giảng viên, Chủ tịch Công đoàn Bộ phận, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế tại Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Công đoàn Bộ phận, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa, phụ trách Khoa Công nghệ Hóa - Môi trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế

Địa chỉ cơ quan: Số 01 Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế

Điện thoại cơ quan: 0234 3845799

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 17 tháng 7 năm 2008, số văn bằng: A0223107, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý chất rắn

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 20 tháng 4 năm 2011, số văn bằng: 002010, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý chất rắn

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Huế

- Được cấp bằng TS [5] ngày 08 tháng 4 năm 2015, số văn bằng: 0000092, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý chất rắn

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Huế

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Huế, Hội đồng I: Khoa học Tự nhiên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Chế tạo, nghiên cứu tính chất vật lý và khả năng ứng dụng của vật liệu gốm điện tử.

(2) Nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng một số vật liệu có cấu trúc nano.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 47 bài báo khoa học, trong đó 21 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 5, trong đó 5 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng lao động sáng tạo	Ban chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	2015
2	Bằng lao động sáng tạo	Ban chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	2016
3	Bằng lao động sáng tạo	Ban chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	2017
4	Bằng khen	Bộ trưởng Bộ Công Thương	2016
5	Chiến sỹ thi đua cấp bộ	Bộ Công Thương	2017
6	Bằng khen	Ban tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc lần thứ 14 năm (2016-2017)	2017
7	Bằng khen	Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	2018
8	Sách vàng sáng tạo Việt Nam năm 2018	Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	2018
9	Bằng khen	Ban tổ chức Giải thưởng Sáng tạo Khoa học Công nghệ Việt Nam năm 2018	2018
10	Giấy khen	Giám đốc Đại học Huế	2023
11	Giấy khen	Giám đốc Đại học Huế	2024
12	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Đại học Huế	2025

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Tiêu chuẩn

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, có lối sống và sinh hoạt lành mạnh, văn minh, thân thiện, tích cực giúp đỡ các đồng nghiệp trẻ, nghiên cứu sinh, học viên và sinh viên trong học tập, nghiên cứu;
- Có kỹ năng sư phạm, tác phong và tư cách chuẩn mực của một nhà giáo, khả năng tiếp thu và vận dụng nhanh các vấn đề chuyên môn mới vào giảng dạy phù hợp với môi trường giáo dục hiện đại;
- Có kỹ năng nghiên cứu, chủ động, luôn tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, chủ trì và tham gia các đề tài khoa học từ cấp cơ sở đến cấp Bộ, cấp Nhà nước trong lĩnh vực chuyên môn;
- Hơn 11 năm công tác trong lĩnh vực giáo dục, ứng viên nhận thấy mình đạt tiêu chuẩn giảng viên và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động khác do đơn vị giao.

1.2. Nhiệm vụ

- Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam, Luật Giáo dục Đại học của Việt Nam;
- Thường xuyên rèn luyện đạo đức, phẩm chất, uy tín, danh dự của một giảng viên; tôn trọng và đối xử công bằng, khách quan với người học, bạn bè và đồng nghiệp, bảo vệ các quyền và lợi ích của người học;
- Không ngừng phấn đấu, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực giúp đỡ các đồng nghiệp trẻ, các nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học;
- Tích cực kết nối, tham gia các hoạt động chuyên môn như dự giờ, hội thảo, seminars; chủ động xây dựng kế hoạch giảng dạy, đề cương môn học và bài giảng cũng như tham gia xây dựng các chương trình đào tạo của đơn vị.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm 6 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			2				0/70/135
2	2020-2021			1				0/50/135
3	2021-2022					180		180,0/271,2/202,5
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1		225		225,0/301,9/229,5
5	2023-2024					255		255,0/306,8/229,5
6	2024-2025					255		255,0/320,9/229,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân Ngôn ngữ Anh, tốt nghiệp năm 2023 (Số văn bằng: E0033394).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		X	X		09/2019 đến 04/2020	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	28/07/2020
2	Trịnh Tiến Dũng		X	X		09/2019 đến 04/2020	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	24/11/2020
3	Lê Thị Duy Thảo		X	X		04/2021 đến 09/2021	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	23/03/2022
4	Trần Nguyễn An Tuyền		X	X		09/2022 đến 02/2023	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	07/07/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn
----	----------	----------------------------	-----------------	------------	----------	--------------------	---------------------------------

			năm xuất bản			trang ... đến trang)	bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Vật liệu áp điện không chì và tiềm năng ứng dụng	CK	NXB Đại học Huế, năm 2024	4	CB	(Chương 1, 2 Tr: 13-43; Chương 4: Tr: 88-112)	Giấy xác nhận số 10/GXN-ĐHKH ngày 26/5/2025 của Trường ĐHKH, Đại học Huế
2	Books: Nanotechnology for Agriculture: Crop Production & Protection, Volume II Nanotechnology for Sustainable Crop Production & Protection, Chapter 5: Nano particles for improved crop production	TK	Springer Nature Singapore Pte Ltd., năm 2019	1	MM	(Chapter 5: Nano particles for improved crop production)	
3	Books: Advanced Ceramic Materials, Chapter 3: The Investigation on the Fabrication and Characterization of the Multicomponent Ceramics Based on PZT and the Relaxor PZN-PMnN Ferroelectric Materials	TK	IntechOpen, năm 2020	3	CB	(Tr. 87- Tr. 98)	
4	Books: Copper Nanostructures: Next-Generation of Agrochemicals for Sustainable Agroecosystems, Chapter 4: Natural gums as a sustainable source for	TK	Elsevier, năm 2022	5	CB	(Tr. 83 - Tr. 92)	

	synthesizing copper nanoparticles						
5	Books: Nanofertilizer Delivery, Effects and Application Methods, Chapter 3: Nano-delivery systems of micronutrients	TK	Elsevier, năm 2024	4	VC	(Tr. 35 -42 và Tr. 44-47)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 1 ([1])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Chế tạo và nghiên cứu các tính chất điện của vật liệu áp điện định hướng không chứa chì	CN	Đề tài Nafosted; Mã số: 103.02-2017.308, cấp Bộ	1/8/2018 đến 31/7/2020	Quyết định số: 174/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 14/12/2020 Biên bản nghiệm thu và thanh lý ngày 15/12/2020; Xếp loại: Đạt
2	Chế tạo và nghiên cứu các tính chất điện của hệ vật liệu không chì định hướng (1-x)(K _{0,48} Na _{0,48} Li _{0,04})(Nb _{0,95} Sb _{0,05})O ₃ - xBi _{0,5} (Na _{0,4} K _{0,1})TiO ₃	CN	B2023-DHH-30, cấp Bộ	02/1/2023 đến 31/12/2024	Nghiệm thu theo Quyết định số 52/QĐ-

					BGDDT, ngày 09/1/2025; Biên bản nghiệm thu ngày 20/1/2025; Quyết định công nhận kết quả số: 648/QĐ- ĐHH ngày 08/5/2025 Xếp loại: Đạt
--	--	--	--	--	---

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Tính chất điện môi, sắt điện của gốm PZT-PZN-PMnN	2	Không	Tạp chí khoa học, Đại học Huế, ISSN: 1859-1388	
2	Ảnh hưởng của nồng độ PMnN đến cấu trúc và các tính chất áp điện của hệ gốm PZT-PZN-PMnN	2	Không	Tạp chí khoa học, Đại học Huế, ISSN: 1859-1388	
3	Ảnh hưởng của chế độ ủ đến một số tính chất vật lý của hệ gốm PZT-PZN-PMnN	4	Có	Tạp chí khoa học, Đại học	

				Huế, ISSN: 1859-1388	
4	Ảnh hưởng của tỉ số nồng độ Zr/Ti đến các tính chất vật lý của hệ gốm PZT-PZN-PMnN	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ISSN: 0866-708X	- Hệ thống CSDL quốc tế khác
5	Sự phụ thuộc nhiệt độ của một số tính chất vật lý của hệ gốm PZT-PZN-PMnN	3	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ISSN: 0866-708X	
6	Effect of MnO2 addition on dielectric, ferroelectric and piezoelectric properties of PLZT- PZN ceramics	4	Không	Journal of science, Hue University ISSN: 1859-1388	
7	Effect of Zr/Ti ratio content on some physical properties of the low temperature sintering PZT-PZN-PMnN ceramics	6	Có	International Journal of Materials and Chemistry ISSN: 2166-5346	- Hệ thống CSDL quốc tế khác
8	Microstructure, ferroelectric and piezoelectric properties of PZT-PMnSbN ceramics	3	Có	International Journal of Materials and Chemistry, ISSN: 2166-5346	
9	Effect of Li2CO3 addition on the sintering behavior and physical properties of PZT-PZN-PMnN ceramics	2	Có	International journal of materials science and applications ISSN: 2327-2635	- Hệ thống CSDL quốc tế khác

10	Nghiên cứu, chế tạo máy rửa siêu âm trên cơ sở hệ gốm PZT - PZN – PMnN	3	Có	Kỷ yếu Hội nghị: Những Tiến bộ trong Vật lý Kỹ thuật và Ứng dụng, TP Huế 2013. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ. ISBN: 978-604-913-232-2	
11	Physical properties of PZT-PZN-PMnN ceramics were fabricated by B-site oxide mixing technique	3	Có	Journal of science, Hue University ISSN: 1859-1388	
12	Ảnh hưởng của thời gian thiêu kết đến một số tính chất của hệ gốm áp điện PZT-PZN-PMnN thiêu kết ở nhiệt độ thấp	3	Không	Tạp chí khoa học, Đại học Huế, ISSN: 1859-1388	
13	Ảnh hưởng của nhiệt độ thiêu kết đến cấu trúc và các tính chất điện của gốm PZT-PZN-PMnN pha tạp Fe₂O₃	3	Có	Tạp chí khoa học, Đại học Huế, ISSN: 1859-1388	
14	Relaxor Ferroelectric Properties of PZT-PZN-PMnN Ceramics	4	Có	Indian journal of engineering & materials sciences ISSN: 0971-4588 (print) 0975-1017 (Online)	ISI - SCIE IF: 0,88 Q3; H-Index = 4 SJR = 0,259
15	Raman scattering spectra and dielectric relaxation behavior of PZT-PZN-PMnN ceramics	3	Có	International Journal of Chemistry and Materials	- Hệ thống CSDL quốc tế khác

				Research ISSN: 2311-763X	
16	Structure and electrical properties of Fe₂O₃-Doped PZT–PZN–PMnN ceramics	2	Có	Journal of Modern Physics ISSN: 2153-1196	
17	Ảnh hưởng của CuO đến nhiệt độ thiêu kết của gốm áp điện PZT-PZN-PMnN	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ISSN: 0866-708X	
18	Electrical properties of CuO-doped PZT-PZN-PMnN Piezoelectric ceramics sintered at low temperature	3	Không	Journal of materials science and chemical engineering ISSN: 2327- 6045	- Hệ thống CSDL quốc tế khác
19	Effect of PZT content on dielectric and piezoelectric properties of PZT-PZN-PMnN ceramics	3	Có	Journal of science, Hue University ISSN: 1859- 1388	
20	Ảnh hưởng của nhiệt độ thiêu kết đến tính chất điện môi và áp điện của hệ gốm PZT-PZNPMnN+0,35% kl ZnO nano	3	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ, Trường Đại học Khoa học Huế	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
21	Green synthesis of silver nanoparticles from fresh leaf extract of centella asiatica and their applications	5	Có	International Journal of Nanoscience ISSN (print): 0219-581X ISSN (online): 1793-5350	ISI - SCIE IF: 0.9; Q3; H- index: 34 SJR= 0,2

22	The sintering behavior and physical properties of Li₂CO₃-doped Bi_{0.5}(Na_{0.8}K_{0.2})_{0.5}TiO₃ lead-free ceramics	2	Có	International Journal of Materials Research ISSN: 1862-5282	ISI - SCIE IF: 0,748 Q3; H-Index = 7 SJR = 0,2
23	Effect of ZnO nanoparticles on the sintering behavior and physical properties of Bi_{0.5}(Na_{0.8}K_{0.2})_{0.5}TiO₃ lead-free ceramics	2	Có	Journal of Electronic Materials ISSN: 0361-5235; E-ISSN: 1543-186X	ISI - SCIE IF: 2.2; Q3; H-Index=11 SJR = 0,475
24	The synthesis of TiO₂ nanoparticles using sulfuric acid method with the aid of ultrasound	5	Không	Nanomaterials and Energy, ISSN 2045-9831 E-ISSN 2045-984X	- ISI IF: 0.3; Q4; H-Index=16 SJR = 0,149
25	Dielectric and ferroelectric characteristics of doped BZT-BCT ceramics sintered at low temperature	5	Không	Journal of Ceramic Processing Research ISSN: 1229-9162	ISI - SCIE IF: 1.4; Q3; H-Index = 3 SJR = 0,238
26	Biomimetic Synthesis of Silver Nanoparticles for Preparing Preservative Solutions for Mandarins (Citrus Deliciosa Tenore)	3	Có	Nano LIFE ISSN: 1793-9844	Tạp chí quốc tế u tín - Scopus IF: 0,8; Q4; H-Index = 4 SJR = 0,125
27	Investigation of Phase Formation and Poling Conditions of Lead-Free 0.48Ba(Zr_{0.2}Ti_{0.8})O₃-0.52(Ba_{0.7}Ca_{0.3})TiO₃ Ceramic	5	Không	Journal of Electronic Materials ISSN: 0361-5235; E-ISSN: 1543-186X	ISI - SCIE IF: 2.2; Q3; H-Index=11 SJR = 0,475)

28	Development of 0.8Pb(Zr0.48Ti0.52)O3 – 0.2Pb[(Zn1/3Nb2/3)0.625(Mn1/3Nb2/3)0.375]O3 ceramics for high-intensity ultrasound applications	5	Có	Journal of Electronic Materials ISSN: 0361-5235; E-ISSN: 1543-186X	ISI - SCIE IF: 2.2; Q3; H-Index=11 SJR = 0,475)
29	Low-temperature sintering of 0.96(K0.5Na0.5)NbO3 - 0.04LiNbO3 lead-free piezoelectric ceramics modified with CuO	3	Không	International Journal of Materials Research ISSN: 1862-5282	- ISI IF: 0,748; Q3 H-Index : 71; SJR = 0,20
30	Enhancement in dielectric, ferroelectric, and piezoelectric properties of BaTiO3- modified Bi0.5(Na0.4K0.1)TiO3 lead-free ceramics	2	Có	Journal of Alloys and Compounds ISSN: 0925-8388	ISI - SCIE IF: 5,8; Q2 H-index 235, SJR=1.19
31	Enhanced physical properties of Bi4Ti3O12 modified Bi0.5(Na0.4K0.1)TiO3 lead-free piezoelectric ceramics using crystallographic orientation techniques	2	Có	Journal of Electroceramics ISSN: 1573-8663	ISI - SCIE IF: 1.7; Q2; H-Index 84 SJR= 0,47
32	Fabrication and characterization of some physical properties of PZT–PMnN–PSbN ceramics doped with ZnO	2	Không	Hue University Journal of Science: Natural Science. ISSN 1859-1388	
33	Synthesis of chitosan–silver nanoparticles with antifungal properties on bamboo straws	3	Không	Nanomaterials and Energy, ISSN 2045-9831 E-ISSN 2045-984X	- Scopus IF: 0.3; Q4; H-Index=16 SJR = 0,149
34	Influence of sintering behavior on the microstructure and electrical properties of BaTiO3 lead-free ceramics from hydrothermal synthesized precursor nanoparticles	6	Không	Journal of Advanced dielectrics	ISI - SCIE IF: 2.1; Q2; H-

				ISSN: 2010-135X; ISSN (online): 2010-1368	<i>index 28</i> <i>SJR=0,47</i>
35	Enhanced piezoelectric properties of Fe₂O₃ and Li₂CO₃ co-doped Pb[(Zr_{0.48}Ti_{0.52})_{0.8}(Zn_{1/3}Nb_{2/3})_{0.125}(Mn_{1/3}Nb_{2/3})_{0.075}]O₃ ceramics for ultrasound transducer applications	2	Có	Journal of Science: Advanced Materials and Devices ISSN: 2468-2284	ISI - SCI <i>IF: 6.7;</i> <i>Q1; H-</i> <i>index 40</i> <i>SJR=1,1</i>
36	Biosynthesis of silver nanoparticles using nanocurcumin extracted from fresh turmeric of Vietnam	5	Có	International Journal of Materials Research ISSN: 1862-5282	ISI - SCI <i>IF: 0,748</i> <i>Q3; H-</i> <i>Index = 7</i> <i>SJR = 0,2</i>
37	Optimization of the calcination and two-step sintering temperatures of (K_{0.48}Na_{0.48}Li_{0.04})(Nb_{0.95}Sb_{0.05})O₃ ceramics	10	Có	Materials Research Express, ISSN: 2053-1591	ISI - SCI <i>IF: 1.8;</i> <i>Q2; H-</i> <i>Index = 7</i> <i>SJR = 0,434</i>
38	Enhanced electrical properties of (1-x)(K_{0.48}Na_{0.48}Li_{0.04})(Nb_{0.95}Sb_{0.05})O₃ – xBi_{0.5}(Na_{0.4}K_{0.1})TiO₃ ceramics through structural phase modification	6	Có	Journal of Materials Science: Materials in Electronics Electronic ISSN: 0957-4522; E-ISSN:1573-482X	ISI - SCI <i>IF: 2.8;</i> <i>Q2; H-</i> <i>Index = 106; SJR 0,529</i>
39	Synthesis of Biodegradable and Antimicrobial Nanocomposite Films Reinforced for Coffee and Agri-Food Product Preservation	4	Không	ACS Omega ISSN: 2470-1343	ISI - SCI <i>IF: 3.7;</i> <i>Q1; H-</i> <i>Index =</i>

					120; SJR 0,773
40	Các đặt trưng của khuôn NaNbO₃ và sự cải thiện tính chất điện của gốm định hướng KNLNS-BNKT	7	Có	Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và Công nghệ; pISSN 2588-1175 eISSN 2615-9732	
41	Utilizing TiO₂ Nanostructures to Synthesize Plate-like Bi₄Ti₃O₁₂ Templates Via Molten Salt Method	2	Có	Eurasian Journal of Physics and Functional Materials, ISSN: 2616-8537	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus IF: 0.61, Q4; H-Index=7 SJR = 0,1
42	Improvement of the electrical properties of textured BNKT-modified (K, Na)NbO₃ lead-free ceramics in the broad operating temperature range	9	Có	Journal of Materials Science: Materials in Electronics Electronic ISSN: 0957-4522; E-ISSN:1573-482X	ISI - SCIE IF: 2.8; Q2; H-Index = 106; SJR 0,529
43	Design And Study The Characteristics Of Piezoelectric Power Ultrasonic Transducers Using The Finite Element Method	7	Không	9th International Conference on Applying New Technology in Green Buildings (ATiGB), (2024), ISBN:	

				979-8-3315-0504-2/24	
44	Improved piezoelectric properties of the Fe₂O₃-modified 0.97PSLZT-(0.03-x)BMT-xPMS for high-power piezoelectric applications	4	Có	Journal of Materials Science: Materials in Electronics Electronic ISSN: 0957-4522; E-ISSN:1573-482X	ISI - SCIF IF: 2.8; Q3; H-Index=11 SJR = 0,475)
45	Effects of CuO doping on the sintering behavior and piezoelectric properties of lead-free (K_{0.41}Na_{0.59})(Nb_{0.84}Sb_{0.06}Ta_{0.10})O₃ ceramics	4	Có	Applied Physics A ISSN: 0947-8396 E-ISSN: 1432-0630	ISI - SCIF IF: 2.5; Q2; H-Index = 168; SJR 0,486
46	Fabrication, formation mechanism, and potential applications of NaNbO₃, Bi₄Ti₃O₁₂ templates in KNN-based ceramics	10	Có	The 2nd International Conference on "Green Solutions and Emerging Technologies for Sustainability" (GSETS 2025), ISBN: 978-604-76-3087-5	
47	The effect of BaZrO₃ content on the structure, microstructure, and electrical properties of (K, Na)NbO₃-based lead-free ceramics	4	Có	Applied Physics A ISSN: 0947-8396 E-ISSN: 1432-0630	ISI - SCIF IF: 2.5; Q2; H-Index = 168; SJR 0,486

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 16 ([21] [22] [23] [26] [28] [30] [31] [35] [36] [37] [38] [41] [42] [44] [45] [47])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
----	---	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

1	Công nghệ kỹ thuật ô tô, mã số 7510205, trình độ đại học	Tham gia	Quyết định số 1847/QĐ-ĐHH ngày 30/11/2023 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Tổ soạn thảo Đề án mở ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, mã số 7510205, trình độ đại học của Khoa Kỹ thuật và Công nghệ – Đại học Huế	Đại học Huế	Quyết định số 492/QĐ-ĐHH ngày 06/5/2024 của Giám đốc Đại học Huế về việc phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, mã số: 7510205.	Xây dựng Chương trình mới
2	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử, mã số 7510301, trình độ đại học	Tham gia	Quyết định số 602/QĐ-ĐHH ngày 25/4/2025 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Tổ soạn thảo Đề án mở ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử, mã số 7510301, trình độ đại học của Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế	Đại học Huế	Quyết định số 878/QĐ-ĐHH ngày 09/6/2025 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, mã số: 7510301.	Xây dựng Chương trình mới

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): } Năm học 2019-2020: thiếu 67,5 giờ; } Năm học 2020-2021: thiếu 67,5 giờ.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): } Năm học 2019-2020: thiếu 65 giờ; } Năm học 2020-2021: thiếu 85 giờ.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

thành phố Huế, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)